

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ,
dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020,
tầm nhìn đến năm 2030**

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 4 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Thông tư này hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án, chương trình của Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây được gọi tắt là nhiệm vụ, dự án);

b) Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước về đa dạng sinh học thuộc các nguồn kinh phí khác (như nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn kinh phí các chương trình, nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Thông tư này.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, Ban quản lý khu bảo tồn được giao thực hiện nhiệm vụ, dự án; các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là Bộ, cơ quan trung ương) và các địa phương.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án

1. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên

a) Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án do các Bộ, cơ quan trung ương chủ trì thực hiện;

b) Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án do các cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện.

Các dự án phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.

2. Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài (nếu có).

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án phải theo đúng nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đúng chế độ; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh quyết toán kinh phí đã sử dụng, chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

Điều 3. Nhiệm vụ chi từ nguồn ngân sách trung ương

1. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường

a) Quan trắc về đa dạng sinh học quốc gia;

b) Xây dựng báo cáo về đa dạng sinh học toàn quốc; báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn do trung ương quản lý;

c) Lập, điều chỉnh quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước; lập, điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của Bộ, cơ quan trung ương;

d) Xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về đa dạng sinh học;

đ) Lập, thẩm định, điều chỉnh Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, Danh mục loài ngoại lai xâm hại, Danh mục loài hoang dã bị cấm khai thác trong tự nhiên, Danh mục loài hoang dã được khai thác có điều kiện ngoài tự nhiên, Danh mục nguồn gen bị cấm xuất khẩu; điều tra, đánh giá quần thể để sửa đổi, bổ sung Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

e) Lập hồ sơ đề cử các khu bảo tồn đạt các danh hiệu quốc tế về bảo tồn, bao gồm các khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar), khu dự trữ sinh quyển, vườn di sản ASEAN;

g) Phân vùng, xác định các vùng sinh thái có đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng sinh thái nhạy cảm cấp quốc gia, cấp vùng;

h) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học đến cấp tỉnh;

i) Xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật về bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng chiến lược, kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cấp quốc gia và vùng;

k) Hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học (bao gồm đối ứng thực hiện các dự án quốc tế mà Việt Nam được tài trợ và báo cáo quốc gia thực hiện các điều ước quốc tế về đa dạng sinh học);

l) Chi hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học.

2. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế

a) Xây dựng các chương trình, đề án, bao gồm: Chương trình kiểm soát buôn bán, tiêu thụ các loài nguy cấp; Đề án phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái; Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên; Đề án kiện toàn hệ thống tổ chức về đa dạng sinh học; Đề án tăng cường phòng, chống tội phạm về đa dạng sinh học và các chương trình, đề án khác theo quy định của pháp luật;

Kinh phí thực hiện các chương trình, đề án nêu trên theo Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền theo tính chất của từng nguồn vốn và theo phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Chi hoạt động của Ban quản lý khu bảo tồn do trung ương quản lý;

c) Lập, thẩm định dự án thành lập khu bảo tồn cấp quốc gia có diện tích thuộc địa bàn từ hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên theo phân công của Chính phủ;

d) Xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học ở trung ương;

d) Các nhiệm vụ khác có liên quan đến đa dạng sinh học ở trung ương.

3. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học

a) Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; nghiên cứu, ứng dụng phát triển các mô hình về bảo tồn đa dạng sinh học;

b) Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực quản lý an

toàn sinh học; phát hiện và xác định các sinh vật biến đổi gen, sản phẩm, hàng hoá có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; phân tích, đánh giá rủi ro và quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen;

c) Nghiên cứu và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi bản địa có giá trị đang bị đe dọa tuyệt chủng; nghiên cứu, đánh giá về mức độ tổn thương đa dạng sinh học của các hệ sinh thái, vùng sinh thái; đánh giá hiện trạng, phân tích nguy cơ xâm hại và mức độ xâm hại của các loài ngoại lai xâm hại;

d) Nghiên cứu áp dụng phương pháp tiếp cận hệ sinh thái, tiếp cận nguồn gen; các công cụ kinh tế trong bảo tồn đa dạng sinh học;

đ) Nghiên cứu các phương pháp khoa học, các công nghệ bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen; lưu giữ nguồn gen động vật, thực vật và vi sinh vật; bảo tồn tại chỗ và chuyển chỗ các loài hoang dã, giống cây trồng, vật nuôi và các chủng vi sinh vật quý, hiếm; tri thức truyền thống về nguồn gen;

e) Nghiên cứu cập nhật, biên soạn, tái xuất bản Sách đỏ Việt Nam;

g) Các nghiên cứu khoa học khác có liên quan đến đa dạng sinh học.

4. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp đào tạo

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học cho cán bộ của trung ương, các khu bảo tồn do Trung ương quản lý.

Điều 4. Nhiệm vụ chi từ nguồn ngân sách địa phương

1. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường

a) Quan trắc đa dạng sinh học của địa phương;

b) Xây dựng báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học của địa phương; báo cáo hiện trạng đa dạng sinh học của khu bảo tồn do địa phương quản lý;

c) Lập, thẩm định, điều chỉnh quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

d) Thống kê đa dạng sinh học theo quyết định của cấp có thẩm quyền; xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học của địa phương;

đ) Lập báo cáo về loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ tại địa phương;

e) Lập hồ sơ đề cử các khu bảo tồn đạt các danh hiệu quốc tế về bảo tồn, bao gồm các khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (khu Ramsar), khu dự trữ sinh quyển, vườn di sản ASEAN;

g) Phân vùng, xác định các vùng sinh thái có đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng sinh thái nhạy cảm do địa phương quản lý;

h) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học của địa phương;

i) Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình

kỹ thuật về bảo tồn đa dạng sinh học; xây dựng chiến lược, kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của địa phương;

k) Hợp tác quốc tế về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học (bao gồm đối ứng thực hiện các dự án quốc tế theo cam kết mà địa phương là thành viên tham gia);

l) Chi hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch hành động đa dạng sinh học của địa phương.

2. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế

a) Chi hoạt động của Ban quản lý Khu bảo tồn do địa phương quản lý;

b) Đánh giá hiện trạng, phân tích nguy cơ xâm hại và mức độ xâm hại và cô lập diệt trừ các loài ngoại lai xâm hại tại địa phương;

c) Xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học tại địa phương;

d) Cứu hộ, tái thả động vật, thực vật hoang dã thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ về môi trường sinh sống tự nhiên, các khu bảo tồn; chi giám định, vận chuyển mẫu vật và tiêu hủy mẫu vật chết trong quá trình cứu hộ;

đ) Các nhiệm vụ khác có liên quan đến đa dạng sinh học ở địa phương.

3. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học

a) Nghiên cứu khoa học về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; nghiên cứu, ứng dụng phát triển các mô hình về bảo tồn đa dạng sinh học của địa phương;

b) Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực quản lý an toàn sinh học; phát hiện và xác định các sinh vật biến đổi gen, sản phẩm, hàng hoá có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; phân tích, đánh giá rủi ro và quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen của địa phương;

c) Thực hiện chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững loài nguy cấp, quý, hiếm và nguồn gen; lưu giữ nguồn gen động, thực vật và vi sinh vật, bảo tồn tại chỗ và chuyển chỗ các giống cây trồng, vật nuôi và các chủng vi sinh vật quý, hiếm của địa phương;

d) Nghiên cứu và phát triển các giống cây bản địa có giá trị đang bị đe dọa tuyệt chủng; nghiên cứu, đánh giá về mức độ tổn thương đa dạng sinh học;

đ) Các nghiên cứu khoa học khác có liên quan đến đa dạng sinh học.

4. Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp đào tạo

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về đa dạng sinh học cho cán bộ của các cơ quan ở địa phương, các khu bảo tồn do địa phương quản lý.

Việc quy định cụ thể các nhiệm vụ chi về đa dạng sinh học nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Điều 5. Mức chi

1. Mức chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án về đa dạng sinh học theo định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Một số nội dung chi, mức chi được quy định cụ thể như sau:

a) Chi hoạt động của các Ban quản lý khu bảo tồn theo cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường; lập dự toán theo Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BTNMT-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2008 của liên Bộ Tài chính - Bộ TN và MT hướng dẫn lập dự toán công tác bảo vệ môi trường thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

c) Mức chi duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học theo Thông tư số 194/2012/TTLT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan đơn vị, sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp đào tạo theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước.

đ) Mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học theo Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chế độ khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 7 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

e) Chế độ công tác phí theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối với nội dung chi chưa có mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức chi và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 6. Lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách cấp hàng năm thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo Chiến lược quốc gia về đa

dạng sinh học thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số nội dung như sau:

1. Về lập dự toán:

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách của các cấp có thẩm quyền, nội dung và khối lượng công việc thực hiện trong năm kế hoạch, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và các quy định tại Thông tư này; đơn vị được giao nhiệm vụ, dự án lập dự toán như sau:

a) Đối với nhiệm vụ, dự án do các Bộ, cơ quan trung ương thực hiện: Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm lập dự toán kinh phí báo cáo Bộ, cơ quan trung ương xem xét, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước của Bộ, cơ quan trung ương gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt theo quy định;

b) Đối với nhiệm vụ, dự án do địa phương thực hiện: Các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm lập dự toán kinh phí gửi cơ quan chủ quản xem xét, tổng hợp gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp chung vào dự toán ngân sách cùng cấp, báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Riêng đối với nhiệm vụ, dự án bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường việc lập dự toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BTNMT-BTC ngày 29 tháng 4 năm 2008 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập dự toán công tác bảo vệ môi trường thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường; Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có.

2. Quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước:

Việc quyết toán kinh phí ngân sách cấp đối với các nhiệm vụ, dự án thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp.

Điều 7. Công tác kiểm tra

Các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương được giao thực hiện nhiệm vụ, dự án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2014.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 01/2008/TT-BTC ngày 3 tháng 01 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân

sách nhà nước đối với việc thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về Đa dạng sinh học đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 thực hiện Công ước đa dạng sinh học và Nghị định thư Cartagena về An toàn sinh học; bãi bỏ điểm d khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 2 Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THỦ TRƯỞNG



Bùi Cách Tuyền

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG



Trương Chí Trung

Nơi nhận: *13/2*

- VP Tổng Bí thư;
- VP Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước;
- VP Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các Hội, đoàn thể;
- VP Ủy ban Phòng chống tham nhũng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Bộ TN và MT; Bộ TC;
- Lưu: VT Bộ TN và MT, Bộ TC.

In ra

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 2030/ SY-UBND

Bình Định, ngày 03 tháng 12 năm 2014

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Y tế;
- PVPNN, K16, K17;
- Lưu: VT (08).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi